



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THỦY LỢI**

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước
trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục
vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2025”**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 6**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

Đơn vị thực hiện: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THỦY LỢI

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2025

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 6

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ **CƠ QUAN THỰC HIỆN**
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2025” do Cục Thủy lợi quản lý. Đơn vị thực hiện là Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện năm 2025, gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 7 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 1, 2, 3, 4, 7 và 8 (tháng 1, 2, 4, 7 và 8: 1 đợt / tháng. Riêng tháng 3 là 2 đợt/tháng); (ii) Dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺ theo tuần/ tháng tại các vị trí lấy mẫu vào các tháng 2, 3, 4, 7 và nửa đầu tháng 8. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, gửi cho đơn vị quản lý và các đơn KTCTTL tại các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 6 lấy mẫu ngày 20/7/2025. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 2 tháng 1 năm 2025

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 6**

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 20/7/2025

Ngày cung cấp TT: 21/7/2025

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 20/7/2025 vào giai đoạn cấp nước làm đất gieo cấy vụ mùa. Thời điểm lấy mẫu các xã/phường khu vực tỉnh Hưng Yên đã cấy xong và bén rễ; khu vực TP Hải Phòng đang cấy trà lúa mùa muộn. Thời điểm này Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải điều hành quy trình vận hành hệ thống như sau: Xuân Quan, Báo Đáp và TB Xuân Quan vận hành linh hoạt; Kênh Cầu không chế thượng lưu 1,6 – 2m hoặc mở thông; Bá Thủy không chế thượng lưu 1,2 – 1,8m; Cống Neo không chế thượng lưu 1,1 – 1,7m hoặc mở thông hoặc mở thông; Cầu Xe, An Thổ không chế thượng lưu từ 0,8 – 1,2 m hoặc lấy nước ngược; Ấu Cầu Cát phục vụ giao thông thủy hoặc lấy nước ngược.

- Tại thời điểm lấy mẫu, hệ thống đang vận hành công trình để phòng chống cơ bão số 3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu lúc lấy mẫu như sau: Cống Xuân Quan, An Thổ, Cầu Xe, Cầu Cát đóng kín; Kênh Cầu, Bá Thủy, Neo, Lực Điền, cống Tranh mở thông. Các cống tiêu Xuân Thụy, Phân Hà, Ngọc Đà và Bình Lâu mở thông; Ngọc Lâm đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và MT

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 1
(So sánh với QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 2, mức B)**

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
1	BHH 1	Cống Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụy	- Cống đóng, trạm bơm không hoạt động, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mức nước TL = 455 cm; HL = 235 cm; - Nước có màu nâu nhạt, không mùi có mùi lạ, nhiều rác thải trước cống.	29,1	7,32	5,7	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
2	BHH2	Cổng Xuân Thụy	- Kiểm tra nước sông Cầu Bấy trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.	- Cổng mở 3 cửa, dòng chảy yếu. Mức nước TL = 133 cm; HL = 130 cm; - Nước có màu xám đen, mùi hôi, không có rác thải.	28,8	7,72	1,8	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Không sử dụng nước cho SXNN và NTTS. - Tranh thủ gạn tháo thay nước khi trong thời điểm hệ thống đang gạn tháo để phòng chống bão số 3
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	- Kiểm tra nước sông Đình Dừ cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang	- Dòng chảy trung bình theo hướng từ TB như Quỳnh về cầu Tăng Bảo ra sông Kim Sơn. - Nước xám đục, mùi hơi hôi, nhiều rác thải nổi trên sông.	29,0	7,02	2,5	- DO < 3 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước cho NTTS.
4	BHH4	Cổng kênh Cầu	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cổng Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dừ ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo	- Cổng mở thông, dòng chảy yếu. Mức nước TL= 150 cm; HL =149 cm; - Nước màu đen, mùi hôi thối, không có rác thải.	29,3	6,77	3,2	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy nước được cho SXNN nhưng không sử dụng nước cho NTTS.
5	BHH5	Cổng Ngọc Đà	- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dừ. - Bị ảnh hưởng của nước thải	- Cổng mở thông 2 cửa, dòng chảy mạnh.	28,6	7,38	1,8	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
			sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.	- Nước trên kênh có màu đen, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cống, nổi nhiều bọt trắng.				- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS; - Tranh thủ gạn tháo thay nước khi trong thời điểm hệ thống đang gạn tháo để phòng chống bão số 3
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	- Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	- Mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước 130 cm - Nước màu vàng đục, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	29,7	6,70	4,2	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
7	BHH7	Cống Phần Hà	- Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	- Cống mở thông 2 cửa, dòng chảy yếu. - Nước màu nâu đục, không có mùi lạ, nhiều rác thải và có váng dầu nổi trên mặt nước.	29,1	6,65	4,8	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
8	BHH8	Cống Bá Thủy	- Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương	- Cống mở thông, dòng chảy yếu. Mực nước TL= 101 cm; HL= 100 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Nhiều bèo tây và rác thải.	31,2	6,53	5,0	- DO = 5 mg/l, đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được cho SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
			khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.					
9	BHH9	Cống Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cổng mở, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu đen, mùi hôi thối, không có rác thải	29,6	6,43	1,8	- DO < 2mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS - Tranh thủ gạn tháo thay nước khi trong thời điểm hệ thống đang gạn tháo để phòng chống bão số 3;
10	BHH10	Cống Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 110, HL= 115 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	31,1	6,98	5,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
11	BHH11	Cống An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 102 m; HL= 156 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	31,2	7,29	6,0	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 101 cm; HL= 155 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	31,6	7,05	5,6	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
13	BHH13	Cổng Lực Điện	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng mở, dòng chảy yếu. Mức nước TL= 140 cm; HL =141 cm. - Nước màu vàng đục, không có mùi lạ, không có rác thải.	30,1	6,70	4,8	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được SXNN. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
14	BHH14	Cổng Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Dòng chảy trung bình hướng ra sông Cửu An. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	30,6	7,18	4,4	- DO < 5 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy và trữ nước được SXNN. - Có thể lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
15	BHH15	Cổng Neo	- Kiểm tra nước sông Cửu An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cổng mở thông, dòng chảy yếu. Mức nước TL= 102 cm; HL= 101cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, nhiều bèo tây và rác thải.	31,9	7,04	5,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Lấy được nước phục vụ cho SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo trước khi cấp cho ao nuôi.
QCVN 08:2023/BTNMT, mức B - Bảng 2				-	-	6,0-8,5	≥5	-

Ghi chú: QCVN08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, trong đó

- Mức B, Bảng 2: Chất lượng nước trung bình. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.